

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/ DSST

Ngày: 20/11/2023

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hương G

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị M

Ông Nguyễn Văn V

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng H - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm A - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận H, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2022/TLST- DS ngày 16/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-DS ngày 31/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-DS ngày 15/9/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 43/2023/QĐST-DS ngày 29/9/2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 04/2023/TB-TA ngày 18/10/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2023/QĐST-DS ngày 10/11/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty N(CÔNG TY N).

Trụ sở: Số 22 V, L, quận H, H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ – Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng N (PVcombank);

Trụ sở: số 22 N, phường T, quận H, H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L- Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T- Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Quách Thị Tng. Ông Nguyễn Cảnh T, ông Trần Văn T, ông Nguyễn Văn B Chuyên viên tổ tụng- Phòng quản lý khách hàng cá nhân miền Bắc- Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản Ngân hàng NPvcombank.(Ông T có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Vũ Việt T, sinh năm 1975 và bà Cao Thị Lệ T, sinh năm 1982; Cùng cư trú tại: Số 64, ngõ 255 Yên Duyên, phường Y, quận H, H.(Ông T có mặt)

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1948(mẹ đẻ anh Tuấn)

+ Cháu Vũ Trung H, sinh ngày 30/7/2007

+ Cháu Vũ Minh N, sinh ngày 05/05/2010.

(Cháu H, Cháu N do Ông T, bà T là đại diện theo pháp luật)

Người đại diện theo ủy quyền của Bà V, bà T: Ông Vũ Việt T

Cùng cư trú tại: Số 64, ngõ 255 Yên Duyên, phường Y, quận H, H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1].Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Công ty N(CÔNG TY N) trình bày:

Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T có ký kết hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011 với Ngân hàng TMCP Phương Tây – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam), cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng

-Mục đích: vay mua nhà tại phường Đại Kim

-Thời hạn vay: 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

-Lãi suất cho vay trong hạn: bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm lãnh lãi cuối kỳ của kỳ hạn 12 tháng ở bậc thang cao nhất do Western Bank công bố tại thời điểm giải ngân cộng(+) biên độ 0,4%/ tháng.

Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/ lần , lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm lãnh lãi cuối kỳ của kỳ hạn 12 tháng ở bậc thang cao nhất do Western Bank công bố tại thời điểm giải ngân cộng(+) biên độ 0,4%/ tháng.

-Lãi suất quá hạn : bằng 150% lãi xuất trong hạn, nợ quá hạn.

Ngày 22/01/2011 Ngân hàng đã giải ngân 01 lần số tiền 2.000.000.000đồng cho Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T theo Khế ước nhận nợ ngày 22/01/2011.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 10(1); tờ bản đồ số 20; có địa chỉ tại: Tổ 8 phường Y, quận H, TP H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 176657; số cấp GCN quyền sử dụng đất số 01056 1095/QHM; ngày cấp 29/07/2005; nơi cấp: UBND quận H – TP H; cấp cho Ông Vũ Việt T làm chủ sở hữu hợp pháp) theo hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 573.11 quyển số 01 TP-CC-SCC/HĐGD ngày 19/01/2011 tại Văn phòng công chứng số 1 thành phố H. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi vay vốn, Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến nay, Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T đã trả cho Ngân hàng: tiền gốc là: 40.601.005 đồng; tiền lãi là: 125.678.622 đồng; Tổng cộng: 166.279.627 đồng.

Ngày 08/10/2014 Ngân hàng N đã bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (Viết tắt là CÔNG TY N) theo Hợp đồng mua bán nợ số 4873/2014/MBN.CÔNG TY N1-PVCOMBANK, CÔNG TY N thành chủ nợ của khoản vay của Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T. Ngày 08/10/2014 CÔNG TY N đã ủy quyền cho Ngân hàng N theo Hợp đồng ủy quyền số 4874/2014/UQ.CÔNG TY N1-PVCOMBANK và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng ủy quyền số 9907/2017/UQ1.CÔNG TY N1-PVCOMBANK theo đó CÔNG TY N ủy quyền cho PVcomBank thực hiện thu hồi và xử lý đối với khoản nợ của Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T.

Để bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của mình, CÔNG TY N tiếp tục kế thừa quyền khởi kiện Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T tại Tòa án nhân dân quận H. Tính đến ngày 30/8/2023, Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T còn nợ CÔNG TY N số tiền theo Hợp đồng tín dụng nêu trên (*có bảng kê tính lãi kèm theo*) là:

Nợ gốc: 1.959.398.995 đồng

Nợ lãi trong hạn: 3.337.519.756 đồng

Nợ lãi quá hạn(bao gồm cả tiền phạt chậm trả lãi): 4.904.794.115 đồng

Tổng nợ: 10.201.712.866 đồng

Nay Nguyên đơn yêu cầu:

- Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T phải thanh toán cho CÔNG TY N toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 30/8/2023 là: **10.201.712.866 đồng** (Trong đó, Nợ gốc là: 1.959.398.995 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.337.519.756 đồng, nợ lãi quá hạn là: 4.904.794.115 đồng).

- Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T phải chịu các khoản lãi phát sinh từ ngày 31/8/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Nếu Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T không trả được nợ CÔNG TY N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm như trên để thu hồi nợ cho CÔNG TY N.

- Trường hợp việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán khoản nợ cho CÔNG TY N thì Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho CÔNG TY N cho đến khi hết nghĩa vụ với CÔNG TY N.

- Án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

[2]. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T - do Ông T là đại diện theo ủy quyền của bà T, trình bày:

Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T xác nhận có ký kết hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011 với Ngân hàng TMCP Phương Tây – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam),

Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T xác nhận phần trình bày của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (Viết tắt là CÔNG TY N) về Hợp đồng tín dụng, số tiền vay, số tiền giải ngân, số tiền đã thanh toán, tài sản đảm bảo và số tiền còn nợ là đúng.

Ngày 22/01/2011 Ngân hàng đã giải ngân 01 lần số tiền 2.000.000.000 đồng cho Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T theo Khế ước nhận nợ ngày 22/01/2011.

Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T xác nhận, Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T đã trả cho Ngân hàng: tiền gốc là: 40.601.005 đồng; tiền lãi là: 125.678.622 đồng; Tổng cộng: 166.279.627 đồng.

Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T xác nhận tính đến ngày 30/8/2023, Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T còn nợ CÔNG TY N số tiền theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là:

Nợ gốc: 1.959.398.995 đồng

Nợ lãi trong hạn: 3.337.519.756 đồng

Nợ lãi quá hạn: 4.904.794.115 đồng

Tổng nợ: 10.201.712.866 đồng

Nay Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T phải thanh toán cho CÔNG TY N toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 30/8/2023 là: **10.201.712.866 đồng** (Trong đó, Nợ gốc là: 1.959.398.995 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.337.519.756 đồng, nợ lãi quá hạn là: 4.904.794.115 đồng). Ông T, bà T đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông bà thanh toán như sau: Thanh toán 01 lần với số tiền 5.000.000.000 đồng(gồm cả nợ gốc và nợ lãi) vào thời điểm Ngân hàng đồng ý.

Ông T, bà T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc:

+ Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T phải chịu các khoản lãi phát sinh từ ngày 31/8/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

+ Nếu Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T không trả được nợ CÔNG TY N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm như trên để thu hồi nợ cho CÔNG TY N.

+ Trường hợp việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán khoản nợ cho CÔNG TY N thì Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho CÔNG TY N cho đến khi hết nghĩa vụ với CÔNG TY N

+ Án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

Trường hợp CÔNG TY N không đồng ý với đề xuất thanh toán của Ông T bà T như trên thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để đưa vụ án ra xét xử.

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị V, Cháu Vũ Trung H, Vũ Minh Ngọc- do Ông Vũ Việt T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ của anh Vũ Việt Tuấn; Hiện Bà V đang sinh sống cùng với anh Tuấn chị Thủy tại địa chỉ Số 64, ngõ 255 Yên Duyên, phường Y, quận H, H.

Nguồn gốc diện tích nhà đất tại địa chỉ Số 64, ngõ 255 Yên Duyên, phường Y, quận H, H là của riêng một mình anh Vũ Việt Tuấn có trước thời kỳ kết hôn với chị Thủy.

Chị Thủy, Bà V và các con của chị Thủy anh Tuấn không có công sức đóng góp gì đối với diện tích nhà đất trên.

Đối với khoản vay của vợ chồng ông là Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011 với Ngân hàng TMCP Phương Tây – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam), để vay số tiền vay: 2.000.000.000 đồng, Bà V không được biết.

Bà V xác định không liên quan gì đến khoản vay nợ trên của anh Tuấn chị Thủy. Bà V cùng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để thuận lợi để anh Tuấn chị Thủy được thanh toán nợ theo lộ trình của anh Tuấn chị Thủy.

****Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- *Đại diện nguyên đơn trình bày:* Công ty N(CÔNG TY N) giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án buộc yêu cầu Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T phải thanh toán cho CÔNG TY N toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011, tạm tính đến ngày 20/11/2023 là: **6.064.711.832 đồng** (Trong đó, Nợ gốc là: 1.959.398.995 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.011.296.528 đồng, nợ lãi quá hạn là: 2.094.016.309 đồng).

+ Rút yêu cầu thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi.

+ Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T phải chịu các khoản lãi phát sinh từ ngày 21/11/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

+ Nếu Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T không trả được nợ CÔNG TY N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ cho CÔNG TY N.

-Trường hợp việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán khoản nợ cho CÔNG TY N thì Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho CÔNG TY N cho đến khi hết nghĩa vụ với CÔNG TY N.

+ Án phí: Ông T, bà Thủy phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

- *Ông Vũ Việt T là bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Lệ T trình bày:*

Ông T giữ nguyên quan điểm của mình như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Ông T khẳng định: việc vợ chồng ông ký kết Hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011 với Ngân hàng TMCP Phương Tây – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam), để vay số tiền vay: 2.000.000.000 đồng và đem tài sản của mình thế chấp đảm bảo cho khoản vay là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Nay CÔNG TY N khởi kiện yêu cầu Ông T bà Thủy thanh toán cho CÔNG TY N toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 20/11/2023 là:

6.064.711.832 đồng (Trong đó, Nợ gốc là: 1.959.398.995 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.011.296.528 đồng, nợ lãi quá hạn là: 2.094.016.309 đồng). Ông T, bà T đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông bà thanh toán như sau: Thanh toán 01 lần với số tiền 5.000.000.000 đồng(gồm cả nợ gốc và nợ lãi) vào thời điểm Ngân hàng đồng ý. Nếu Ngân hàng không đồng ý, Ông T đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị V, Cháu Vũ Trung H, Vũ Minh Ngọc - Ông Vũ Việt T trình bày:

Bà Nguyễn Thị V, Cháu Vũ Trung H, Vũ Minh Ngọc - Ông Vũ Việt T hiện tại đang sinh sống tại diện tích nhà đất mà Ông T mang thế chấp Ngân hàng. Đối với diện tích nhà đất trên là Bà V, Cháu H, Cháu N không có công sức đóng góp gì. Vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận H tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về việc tuân theo Pháp luật của thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H thụ lý đơn khởi kiện của CÔNG TY N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại Khoản 1 Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 16/11/2022, Tòa án thụ lý vụ án, ngày 31/8/2023, Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a Khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vì lý do khách quan nên Viện kiểm sát không kiến nghị nội dung này; Về việc tổng đạt các quyết định và văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đảm bảo quy định tại Điều 177, 178, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về tổ chức phiên hòa giải và phiên họp công khai chứng cứ: Thẩm phán đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật Tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán, thư ký quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Việc tuân theo Pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; bị đơn, người

có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 117, 119, 317, 320, 323, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty N(CÔNG TY N) đối với Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T. Buộc Ông T, bà Thuỷ thanh toán cho CÔNG TY N theo Hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011, toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 20/11/2023 là: **6.064.711.832 đồng** (Trong đó, Nợ gốc là: 1.959.398.995 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.011.296.528 đồng, nợ lãi quá hạn là: 2.094.016.309 đồng), đồng thời yêu cầu Ông T, bà Thuỷ phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Nếu Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T không trả được nợ CÔNG TY N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ cho CÔNG TY N. Trường hợp việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán khoản nợ cho CÔNG TY N thì Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho CÔNG TY N cho đến khi hết nghĩa vụ với CÔNG TY N.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp, về thẩm quyền:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - Công ty N(CÔNG TY N) khởi kiện bị đơn - Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T có địa chỉ cư trú tại Số 64, ngõ 255 Yên Duyên, phường Y, quận H, H, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Phương Tây – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam) với Ông T bà Thuỷ. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn:

Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T có ký kết với Ngân hàng TMCP Phương Tây – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam) Hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011.

Ngày 12/9/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Tây và Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam hợp nhất thành Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng theo Quyết định số 2018/ QĐ- NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam .

Ngày 08/10/2014 Ngân hàng Nđã bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (Viết tắt là CÔNG TY N) theo Hợp đồng mua bán nợ số 4873/2014/MBN.CÔNG TY N1-PVCOMBANK. Theo Hợp đồng mua bán nợ nêu trên, CÔNG TY N thành chủ nợ của khoản vay của Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T. Ngày 08/10/2014 CÔNG TY N đã ủy quyền cho Ngân hàng Ntheo Hợp đồng ủy quyền số 4874/2014/UQ.CÔNG TY N1-PVCOMBANK và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng ủy quyền số 9907/2017/UQ1.CÔNG TY N1-PVCOMBANK theo đó CÔNG TY N ủy quyền cho PVcomBank thực hiện thu hồi và xử lý đối với khoản nợ của Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T.

Để bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của mình, CÔNG TY N khởi kiện Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T tại Tòa án nhân dân quận H. Ngày 16/11/2022 Tòa án nhân dân quận H đã thụ lý vụ án dân sự số 111/2022/TLST-DS ngày 16/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo đơn khởi kiện của CÔNG TY N. CÔNG TY N tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn. CÔNG TY N, Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự nói chung và của nguyên đơn, bị đơn nói riêng là phù hợp với Điều 309. Điều 313 Bộ luật Dân sự năm 2005 và được quy định tại Điều 70, điều 71, điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

Ngày 19/01/2011, Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T và Ngân hàng TMCP Phương Tây – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam) xác lập quan hệ tín dụng thông qua Hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011. Xét hình thức và nội dung của hợp đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Ngân hàng TMCP Phương Tây được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố H hoạt động theo Giấy phép số 0016/NH-GP ngày 06/04/1992.

Về chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011 là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Phương Tây – Chi nhánh H và Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T.

Xét các hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm của Pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức, nội dung phù hợp với các quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 401, Điều 402, Điều 403, Điều 404, Điều 405, Điều 406 của Bộ luật Dân sự năm 2005 vì vậy hợp đồng nêu trên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

[2.2]. Xét yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc của nguyên đơn:

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011, Ngân hàng TMCP Phương Tây – Chi nhánh H đồng ý cấp cho Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T một hạn mức tín dụng là 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn) trong thời hạn 180 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên, đồng thời ký Khế ước nhận nợ. Mục đích sử dụng tiền vay: Vay mua nhà.

Thực hiện thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng trên, Ngân hàng TMCP Phương Tây đã giải ngân cho Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T một hạn mức tín dụng là 2.000.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ ngày 22/01/2011.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn Ông T, bà Thủy đều xác nhận và thừa nhận đã thanh toán trả cho Ngân hàng được tổng số tiền vay là 166.279.627 đồng, trong đó tiền gốc là: 40.601.005 đồng; tiền lãi là: 125.678.622 đồng.

Theo tài liệu và bảng kê chi tiết nghĩa vụ tín dụng do nguyên đơn xuất trình, từ ngày 22/6/2011 đến nay, Ông T, bà Thủy không thực hiện bất cứ nghĩa vụ thanh toán nào đối với Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T thanh toán số tiền gốc còn thiếu tạm tính đến ngày xét xử 20/11/2023 là: 1.959.398.995 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 290, Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.3]. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn:

Theo Hợp đồng hạn mức tín dụng đã ký giữa các bên quy định: Lãi suất cho vay trong hạn: bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm lãnh lãi cuối kỳ của kỳ hạn 12 tháng ở bậc thang cao nhất do Western Bank công bố tại thời điểm giải ngân cộng(+) biên độ 0,4%/ tháng. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/ lần, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm lãnh lãi cuối kỳ của kỳ hạn 12 tháng ở bậc thang cao nhất do Western Bank công bố tại thời điểm giải ngân cộng(+) biên độ 0,4%/ tháng. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn, nợ quá hạn.

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo quyết định 1627/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 được sửa đổi, bổ sung bằng quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất vay nên việc Ngân hàng TMCP Phương Tây – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam) và Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T thỏa thuận về lãi suất vay trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định của Pháp luật.

Xem xét mức lãi suất áp dụng và việc điều chỉnh lãi suất của từng khế ước nhận nợ cụ thể, Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm giải ngân, toàn bộ khoản vay đều áp dụng lãi suất cho vay là 18,8 %/năm. Theo tài liệu và bảng tính lãi chi tiết do nguyên đơn xuất trình, sau thời hạn 03 tháng, Ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất cho vay 03 tháng /lần theo đúng thỏa thuận, sau đó điều chỉnh lãi suất lên xuống theo đúng thời gian đã được thỏa thuận trong khế ước nhận nợ.

Theo quy định của pháp luật tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng tín dụng, các tổ chức tín dụng và khách hàng được quyền thỏa thuận về lãi suất cho vay và quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất theo thỏa thuận, phù hợp với chính sách về lãi suất của Ngân hàng TMCP Phương Tây – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam) nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng. Cụ thể, tính đến ngày xét xử, theo bảng kê chi tiết nghĩa vụ tín dụng của Ngân hàng: số tiền nợ lãi trong hạn của Ông T bà Thuỷ tính đến ngày xét xử 20/11/2023 là: 2.135.840.930 đồng, Ông T và bà T đã thanh toán cho Ngân hàng: 124.544.402 đồng, còn phải thanh toán lãi trong hạn là: 2.011.296.528 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Ông T bà Thuỷ cũng xác nhận khoản nợ lãi trong hạn theo tính toán của Ngân hàng yêu cầu. Do đó, Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam khởi kiện yêu cầu Ông T bà Thuỷ thanh toán số tiền lãi trong hạn tính đến ngày xét xử 20/11/2023 là 2.011.296.528 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc , Ông T bà Thuỷ có nghĩa vụ thực hiện.

[2.3.2]. Đối với khoản lãi quá hạn, theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 13 Quyết định 1627/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 về việc ban hành Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng , được hướng dẫn tại Phần 1.3 Mục 1 Văn bản số 1335/2010 của Ngân hàng Nhà nước về phạt chậm trả đối với nợ quá hạn thì: *“Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do các tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay đã*

được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng”. Như vậy, các bên thỏa thuận mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay là phù hợp. Kể từ thời điểm đến hạn thanh toán nợ gốc quy định trong các khế ước nhận nợ, Ông T bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán và không được Ngân hàng cơ cấu lại thời gian trả nợ, Ông T bà Thuỷ phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay đã được điều chỉnh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông T bà Thuỷ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: số tiền nợ lãi quá hạn của Ông T bà Thuỷ là: 2.095.150.529 đồng, Ông T và bà T đã thanh toán cho CÔNG TY N: 1.134.220 đồng, còn phải thanh toán lãi quá hạn là: 2.094.016.309 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là **6.064.711.832 đồng** (Trong đó, Nợ gốc là: 1.959.398.995 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.011.296.528 đồng, nợ lãi quá hạn là: 2.094.016.309 đồng) cần buộc bị đơn Ông T bà Thuỷ phải có nghĩa vụ thanh toán trả Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

[2.3.3]. Đối với khoản lãi phạt chậm trả lãi, theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn yêu cầu Tuấn bà Thuỷ phải có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phạt chậm trả gốc, phạt chậm trả lãi tính đến thời điểm 26/9/2023 là 3.196.879.970 đồng. Tuy nhiên, tại phiên phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản phạt chậm trả lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4]. Về tài sản bảo đảm cho khoản vay của Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011 và “Hợp đồng thế chấp tài sản” số 4801/2011/HĐTC-CN.HN ngày 19/01/2011, tài sản bảo đảm cho khoản vay của Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T tại Ngân hàng TMCP Phương Tây (nay là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam) gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 10(1), tờ bản đồ số 20; địa chỉ Tổ 8, phường Y, quận H, H theo Giấy chứng nhận QSD đất số AB 176657 do UBND quận H cấp, số cấp 01056 1095/QHM ngày 29/7/2005 mang tên Ông Vũ Việt T.

Xét hình thức của “Hợp đồng thế chấp tài sản”, Hội đồng xét xử thấy các hợp đồng này đều được lập thành văn bản, được công chứng, chứng thực tại Phòng công chứng số 01 thành phố H ngày 19/01/2011 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất và nhà UBND quận H, H ngày 19/01/2011 phù hợp với quy định tại Điều 342, 343, 715 Bộ luật dân sự 2005, Điều 9, Điều 12 Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó có hiệu lực đối với các bên tham gia kể từ thời điểm giao kết và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký giao dịch bảo

đảm theo quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 10, Điều 11 Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ.

Về nội dung, theo “Hợp đồng thế chấp tài sản” Ông T tự nguyện thế chấp tài sản trên cho Ngân hàng để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ bao gồm trả nợ gốc, lãi, các chi phí phát sinh theo các hợp đồng tín dụng, Phụ lục Hợp đồng tín dụng, văn bản thỏa thuận khác(nếu có) giữa bên nhận thế chấp và bên thế chấp được phát sinh trước và sau khi ký kết hợp đồng tín dụng.

Hội đồng xét xử thấy, Ông T đều là người trực tiếp ký vào các văn bản này với tư cách là bên thế chấp. Như vậy, việc giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản trên hoàn toàn là do ý chí của Ông T. Hình thức và nội dung hợp đồng đã giao kết phù hợp với quy định tại các Điều 342, Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 351 Điều 401, Điều 402, Điều 403, Điều 404, Điều 405, Điều 406 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên có giá trị pháp lý đối với bên thế chấp.

Đối với những người đang cư trú tại tài sản thế chấp: Bà Cao Thị Lệ T, Bà Nguyễn Thị V, Cháu Vũ Trung H và Cháu Vũ Minh N, quá trình Tòa án ghi lời khai thể hiện nguồn gốc thửa đất số 10(1), tờ bản đồ số 20; địa chỉ Tổ 8, phường Y, quận H, H là tài sản riêng của Ông T. Ngày 29/7/2005, UBND quận H, thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên một mình Ông T. Quá trình sinh sống trên diện tích nhà đất này, bà T, Bà V, Cháu H, Cháu N không có công sức đóng góp gì đối với tài sản Ông T thế chấp cho Ngân hàng nói trên.

Vì vậy, trường hợp Ông T, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, thì Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005. Những người đang cư trú tại tài sản thế chấp nói trên phải thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp và theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật thi hành án.

[2.6]. Về nghĩa vụ chịu lãi đối với khoản nợ gốc chậm thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, theo Án lệ số 08/2016/AL “*về việc xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử*” thì: “*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết*

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay". Vì vậy, theo quy định tại Khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 và theo Án lệ số 08/2016/AL, Hội đồng xét xử thấy cần buộc Ông T, bà T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam theo quy định trên.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng mức án phí quy định tại Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009 và các văn bản liên quan để tính án phí trong vụ án: Căn cứ Khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009, Điểm e Khoản 3 Mục 1 Phần I Danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo Pháp lệnh: ông Tuấn và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 112.000.000 đồng + 0,1% x (6.064.711.832 đồng - 4.000.000.000 đồng) = 114.064.712 đồng(làm tròn là: 114.064.000 đồng).

Hoàn trả Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 58.000.000 đồng Công ty N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0050894 ngày 16/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 122, Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 718, Điều 719, Điều 720, Điều 190, Khoản 1 Điều 471 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 9, Điều 11, Điều 12 Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung Quyết định 1627/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 về việc ban hành Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Án lệ số 08/2016/AL, Án lệ số 11/2017/AL của Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí

lệ phí Tòa án năm 2009, Điểm e Khoản 3 Mục 1 Phần I Danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo Pháp lệnh;

*** Tuyên xử:**

[1]. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T về việc yêu cầu thanh toán khoản tiền phạt chậm trả lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011.

Buộc Ông Vũ Việt T và bà Cao Thị Lệ T phải thanh toán trả Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền nợ gốc và nợ lãi Hợp đồng tín dụng số 4801/2011/HĐTD-CN.HN ngày 19/01/2011 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là **6.064.711.832 đồng** (Trong đó, Nợ gốc là: 1.959.398.995 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.011.296.528 đồng, nợ lãi quá hạn là: 2.094.016.309 đồng).

[3]. Trường hợp Ông T, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên đối với Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam thì Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 10(1), tờ bản đồ số 20; địa chỉ Tổ 8, phường Y, quận H, H theo Giấy chứng nhận QSD đất số AB 176657 do UBND quận H cấp, số cấp 01056 1095/QHM ngày 29/7/2005 mang tên Ông Vũ Việt T.

[4]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Ông T, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định

của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về án phí: Ông T và bà T phải chịu 114.064.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 58.000.000 đồng Công ty N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0050894 ngày 16/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm

- Tòa án nhân dân TP H;
- Viện kiểm sát quận H;
- Thi hành án quận H;
- Dương sự;
- Lưu.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hương G

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

